

NGHIÊN CỨU VỀ KHUNG NĂNG LỰC VÀ ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG KHUNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÂN VIÊN HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT TẠI VIỆT NAM

Trần Thị Bích Ngọc

Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Nhân viên hỗ trợ (NVHT) giáo dục người khuyết tật là một vị trí việc làm được quy định trong trường học có nhiệm vụ hỗ trợ giáo viên và nhà trường chăm sóc và giáo dục cho học sinh khuyết tật. Bài báo này tổng quan các nghiên cứu về khung năng lực nghề nghiệp của đội ngũ NVHT ở một số các quốc gia và tại Việt Nam, từ đó đề xuất khung năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ NVHT tại Việt Nam, nhằm giúp các nhà quản lý giáo dục các cấp có các giải pháp phát triển đội ngũ này trong công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và ban hành chế độ, chính sách phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Từ khoá: nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, hỗ trợ giáo dục, khung năng lực, năng lực nghề nghiệp

1. Mở đầu

Báo cáo của UNICEF và Tổng cục thống kê Việt Nam cho thấy tỷ lệ khuyết tật chung ở trẻ em từ 2-17 tuổi là 2,79% trong dân số [1]. Số lượng trẻ khuyết tật được đi học tăng lên nhanh chóng, từ 46.000 trẻ khuyết tật được đi học năm 1996, đến năm 2016 đã có hơn 600.000 trẻ khuyết tật được đến trường, tăng lên 10 lần qua hơn 20 năm thực hiện giáo dục hòa nhập (GDHN) tại Việt Nam [2]. Nhà nước ta đã xây dựng một hành lang pháp lý đầy đủ nhằm thúc đẩy giáo dục cho người khuyết tật như Luật Người khuyết tật (2010), Luật Giáo dục (2019), các văn bản dưới luật như các Nghị định số 28/2012/NĐ-CP, Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 5/8/2012, Thông tư Liên tịch số 58/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC năm 2012, Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, Thông tư 03/2018/BGDĐT. Một giải pháp mà Nhà nước ta thực hiện đó là xây dựng và phát triển một nguồn nhân lực hỗ trợ giáo dục phù hợp và kịp thời, trong đó có vị trí nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, góp phần thực hiện GDHN thành công, nhất là trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đang chịu sự tác động của đại dịch Covid-19 và sự biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng.

Nhân viên hỗ trợ (NVHT) giáo dục người khuyết tật là một chức danh nghề nghiệp đã được nhắc đến lần đầu tiên trong Luật Người khuyết tật 2010, và vị trí chức danh này được trực tiếp quy định tại Thông tư Liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV. Nhiệm vụ của NVHT được qui định là: a) Thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo yêu cầu và quy định của đơn vị; b) Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho người khuyết tật;

Ngày nhận bài: 12/7/2021. Ngày sửa bài: 18/8/2021. Ngày nhận đăng: 26/8/2021.

Tác giả liên hệ: Trần Thị Bích Ngọc. Địa chỉ e-mail: ngoctranstata@gmail.com

c) Hỗ trợ người khuyết tật học tập và rèn luyện kỹ năng đặc thù, kỹ năng sống phù hợp với khả năng và nhu cầu của người khuyết tật; d) Hỗ trợ giáo viên trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục người khuyết tật; e) Tham gia huy động người khuyết tật đến trường học tập; f) Hỗ trợ, tư vấn cho gia đình người khuyết tật và cộng đồng về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục người khuyết tật [3]. NVHT giáo dục người khuyết tật sẽ là những người hỗ trợ tốt nhất cho GV và cha mẹ trong việc thực hiện chăm sóc, giáo dục và hỗ trợ cuộc sống của người khuyết tật.

Trong bối cảnh hơn 1,5 tỉ học sinh bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, trong đó dù chưa có những số liệu chính thức về số lượng học sinh khuyết tật không nhận được những hỗ trợ giáo dục, nhưng có thể khẳng định học sinh khuyết tật bị ảnh hưởng nghiêm trọng do việc đóng cửa các lớp học và chuyển phương thức dạy học từ học trực tiếp sang học trực tuyến. Các em bị mất cơ hội được đến trường, được cung cấp các bữa ăn và chơi với các bạn, những điều rất quan trọng cho sự phát triển và học tập của các em [4]. Đồng thời không phải vùng nào cũng có đủ điều kiện thuận lợi được trang bị hệ thống máy tính và cơ sở hạ tầng công nghệ cao và các nguồn học liệu trực tuyến sẵn có. Do vậy, NVHT giáo dục người khuyết tật cũng cần phải được trang bị và đạt được những năng lực nghề nghiệp phù hợp với hoàn cảnh và bối cảnh mới.

Nghị Quyết 29NQ/TW “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã được Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) thông qua: từng vị trí việc làm đều cần có một khung năng lực tương ứng. Khung năng lực chính là cơ sở khoa học để xác định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, yêu cầu của vị trí việc làm đó, đồng thời cũng làm căn cứ để tuyển dụng, sử dụng, bố trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và phát triển đội ngũ NVHT giáo dục người khuyết tật theo tiếp cận năng lực nghề nghiệp. Khung năng lực giúp các nhà quản lý giáo dục các cấp có các giải pháp phát triển đội ngũ theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất như hiện nay, bên cạnh đó giúp cho các CBQL cấp trường có một bức tranh toàn diện về các yêu cầu của công việc đối với NVHT, từ đó có những xếp sắp, đánh giá đội ngũ một cách phù hợp hơn. Thêm vào đó, Khung năng lực nghề nghiệp là căn cứ nhằm giúp các cơ sở đào tạo xây dựng được Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu về năng lực thực hiện nghề nghiệp của đội ngũ NVHT giáo dục người khuyết tật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khung năng lực ở các nước trên thế giới

Năm 2011, Cục Quản lý Việc làm và Đào tạo (Employment and Training Administration - ETA) trực thuộc Bộ Lao động Hoa Kỳ đề xuất phát triển mô hình năng lực có cấu trúc hình kim tự tháp gồm 4 lớp [4]:

- Năng lực kiến thức chuyên môn (Specific Knowledge Competencies);
- Năng lực phương pháp kỹ thuật (Specific Technical Competencies);
- Năng lực chuyên gia, tư vấn kỹ thuật (Specific Requirements);
- Năng lực quản lý (Management Competencies).

Tất cả 4 lớp năng lực trên được đặt trên năng lực nền tảng, cơ bản cá nhân (generic competencies) hay năng lực cốt lõi (core competencies) xuyên chức năng (cross-functional) gồm: Kỹ năng giao tiếp; Liêm chính; Tính chuyên nghiệp; Sáng tạo; Độ tin cậy; Sẵn sàng để tìm hiểu; Chất lượng, hiệu quả cá nhân [5]. Và tập hợp hệ thống năng lực cơ bản, năng lực chuyên biệt/năng lực theo vai trò, nhiệm vụ (role specific competencies) để hoàn thành yêu cầu *nhệm vụ cụ thể nhất định* gọi là khung năng lực (*Competency framework*).

Các quốc gia như Mỹ, Úc và Ireland đã quy định các tiêu chuẩn năng lực cho NVHT giáo dục người khuyết tật hỗ trợ từ trẻ em đến sinh viên đại học, trong đó tựu chung đều nêu ra các vấn đề về năng lực nghề nghiệp cần phải có của đội ngũ này.

Tại Úc, Chương trình NVHT giáo dục người khuyết tật đã đưa ra khung năng lực bao gồm 6 thành tố, thể hiện vai trò và trách nhiệm của NVHT đối với học sinh khuyết tật đó là (1) hỗ trợ giao tiếp và các mối quan hệ; (2) hỗ trợ học tập; (3) hỗ trợ sự tự quản lí của học sinh; (4) hỗ trợ/quản lí những học sinh có khó khăn trong học tập; (5) hỗ trợ hành vi của học sinh; (6) các nhiệm vụ hành chính/quản lí các nguồn thông tin hành chính [6].

Hiệp Hội quốc gia về Giáo dục (2005), Trung tâm nguồn của quốc gia về NVHT (2007) và sáng kiến NVHT đồng hành cùng IDEA (2001) đã xác định các năng lực cho NVHT người khuyết tật như sau: (1) Các năng lực kiến thức: (a) Luật Giáo dục đặc biệt, (b) đặc điểm của khuyết tật, (c) chiến lược dạy học (2) chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp (3) sự hợp tác. Tuy nhiên, mỗi bang ở Mỹ có một nỗ lực khác nhau nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho NVHT giáo dục tùy theo các chính sách của từng bang nhằm mục đích đạt được chuẩn nghề nghiệp Chức danh I: NVHT đã được quy định tại Đạo Luật Không trẻ em nào bị bỏ lại phía sau. Các Bang như Idaho, North Dakota, Maine đào tạo NVHT giáo dục trong các trường cao đẳng cộng đồng, các bang như bang New Mexico, New York đào tạo NVHT giáo dục theo bằng cấp đa tầng. Các bang khác như bang Missisipi, Ohio đào tạo NVHT giáo dục theo định hướng chương trình NVHT trở thành GV. Các bang khác như bang Michigan đào tạo NVHT theo chương trình phát triển chuyên môn online. Ví dụ, bang Misouri Hoa Kỳ đã có những yêu cầu về đào tạo đối với đội ngũ NVHT giáo dục hoà nhập đó là đối với những nhân viên chưa có bằng cấp về giảng dạy bắt buộc phải tham gia tối thiểu 15 giờ đào tạo trong năm làm việc đầu tiên và tối thiểu 10 giờ được đào tạo trong những năm tiếp theo. Các cơ quan chịu trách nhiệm sẽ phải cung cấp định hướng và những đào tạo cần thiết cho các cá nhân những NVHT giáo dục để thực hiện được các nhiệm vụ được phân công. Tối thiểu những tập huấn này sẽ phải có những thông tin và kinh nghiệm có liên quan đến: Loại khuyết tật của HS mà họ sẽ làm việc cùng, các quy tắc cơ bản của điều chỉnh hành vi, các kĩ thuật dạy học cơ bản sẽ được sử dụng (việc trình bày, làm mẫu, gợi ý, củng cố, chữa lỗi sai, v.v...) và các lĩnh vực khác khi cần thiết (vị trí đứng, chuyên giao công nghệ, quy trình cho ăn,...) [7].

Nhìn chung tại các quốc gia, đối với các vấn đề thực tiễn trong lớp học: NVHT giáo dục người khuyết tật cần phải có những năng lực nhằm hỗ trợ cải thiện cho việc học tập của trẻ em khuyết tật như hiểu được về học sinh và mốc phát triển bình thường của học sinh, hiểu và hỗ trợ được những hành vi có vấn đề của trẻ, nắm bắt được các vấn đề giao tiếp và ngôn ngữ của trẻ đồng thời đảm bảo chăm lo cho điều kiện sinh hoạt, sức khỏe, an toàn của trẻ trong bối cảnh nhà trường. NVHT giáo dục người khuyết tật cần có những năng lực thực hiện hỗ trợ có hiệu quả cho giáo viên trên lớp bao gồm có các năng lực dạy học cá nhân, nhóm nhỏ theo yêu cầu của giáo viên, năng lực ứng dụng các phương pháp dạy học khác nhau và điều chỉnh nội dung nhằm hỗ trợ giáo viên lập kế hoạch dạy học, năng lực tổ chức và hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp, hỗ trợ giáo viên đánh giá kết quả học tập của học sinh, sử dụng công nghệ hỗ trợ; các năng lực hỗ trợ giáo viên thực hiện các công việc hành chính như: chuẩn bị máy tính, phổ thông tài liệu, đọc đề kiểm tra, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho giáo viên; Năng lực xây dựng bầu không khí lớp học thân thiện và tích cực cho trẻ học hòa nhập, không kì thị và phân biệt đối xử.

Đối với các vấn đề bên ngoài lớp học: NVHT giáo dục người khuyết tật cần có năng lực giao tiếp và tương tác chuyên nghiệp và hiệu quả với đồng nghiệp, với giáo viên, với gia đình, với cộng đồng từ đó giúp cho việc thực hiện GDHN học sinh khuyết tật có hiệu quả.

Một vấn đề không thể không nói đến ở đây là quốc gia nào cũng đều yêu cầu năng lực chuẩn đối với NVHT giáo dục đó là phải tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo việc thực hiện đúng và đầy đủ việc hỗ trợ học sinh khuyết tật đạt được lợi ích tốt nhất.

Các nhiệm vụ và tiêu chuẩn trên đây đối với NVHT giáo dục người khuyết tật dường như không có sự phân chia tách rời mà liên quan chặt chẽ, bổ sung cho nhau để đạt được hiệu quả hỗ trợ giáo dục tốt nhất.

Việc ban hành chuẩn năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ NVHT ở các quốc gia cho thấy việc nhìn nhận và ghi nhận vai trò quan trọng của đội ngũ này trong việc hỗ trợ học sinh khuyết tật trong các nhà trường hòa nhập và cộng đồng cha mẹ học sinh khuyết tật. Do vậy, việc tuyển dụng đội ngũ này theo các văn bản pháp quy đã quy định và thực hiện sử dụng đội ngũ một cách hợp lý, tránh lãng phí và không tận dụng hết nguồn lực là một vấn đề cần được đặt ra.

2.2. Một số nghiên cứu về khung năng lực ở Việt Nam

Nghiên cứu của tác giả Lê Văn Tạc và Sijett Begmar (2006) về các năng lực cần có của giáo viên GDĐB theo tiếp cận năng lực đáp ứng sự đòi hỏi của vị trí công việc - tiếp cận năng lực nghề nghiệp. Mỗi công việc đòi hỏi mục tiêu năng lực khác nhau được xác định với các chuẩn và tiêu chí cơ bản. Bản mô tả công việc được xây dựng và dựa trên bản mô tả công việc này để thiết kế được chuẩn năng lực cơ bản và phát triển thành Khung năng lực cho mỗi vị trí công tác [8]. Phát triển đội ngũ NVHT giáo dục người khuyết tật cần phải gắn với tiếp cận năng lực nghề nghiệp, gồm có năng lực chung và năng lực đặc thù để hỗ trợ học sinh khuyết tật học tập.

Tác giả Nguyễn Xuân Hải (2018) [9] trong nghiên cứu của mình dựa trên kết quả nghiên cứu khảo sát và nội dung cho xây dựng Thông tư Liên tịch số 19/TTLT-BGD&ĐT-BNV tháng 6 năm 2016 đã cho rằng, năng lực NVHT gồm 04 tiêu chuẩn chung gồm có: Kiến thức nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp; Giá trị nghề nghiệp và Quan hệ nghề nghiệp trong đó có các tiêu chí, cụ thể như sau:

- Kiến thức nghề nghiệp: kiến thức nền: giáo dục học, tâm lý học phát triển, công tác xã hội với trẻ có nhu cầu đặc biệt, xã hội học; kiến thức chuyên ngành: giáo dục trẻ khuyết tật, giáo dục hoà nhập; kiến thức hỗ trợ người khuyết tật trong dạy học; hỗ trợ, đánh giá và can thiệp trẻ khuyết tật; quản lý trường lớp có người khuyết tật; hỗ trợ tư vấn người khuyết tật và gia đình người khuyết tật; kiến thức bổ trợ: phát triển cộng đồng, tin học, ngoại ngữ.

- Thực hành nghề nghiệp: là các kĩ năng hỗ trợ giáo dục người khuyết tật: hỗ trợ chuẩn đoán và đánh giá; hỗ trợ xây dựng mục tiêu giáo dục người khuyết tật; hỗ trợ xác định các hoạt động/kế hoạch giáo dục người khuyết tật; hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trực tiếp với người khuyết tật; hỗ trợ tham gia, phối hợp với GV, phụ huynh, thành viên cộng đồng; sử dụng và hỗ trợ các phương tiện, thiết bị cho người khuyết tật; hỗ trợ đánh giá sự tiến bộ của người khuyết tật.

- Giá trị nghề nghiệp: niềm tin; đạo đức.

- Quan hệ nghề nghiệp: quan hệ với người khuyết tật trong khi hướng dẫn và hỗ trợ; quan hệ với gia đình trẻ khuyết tật (tư vấn hỗ trợ, hướng dẫn trực tiếp, lời cuốn sự tham gia của gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục người khuyết tật); quan hệ với đồng nghiệp (chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng, hỗ trợ nhau trong giáo dục người khuyết tật).

Việt Nam là một quốc gia khá nhạy bén trong việc thực hiện chính sách sử dụng đội ngũ NVHT. Sau Thông tư Liên tịch số 19/2016/TTLT-BGD&ĐT-BNV tháng 6 năm 2016 của Bộ GD&ĐT, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp NVHT giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 16/2017/TT-BGD&ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trong đó quy định rõ vị trí việc làm số 7 là NVHT giáo dục người khuyết tật trong nhóm vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Tiếp theo đó, Bộ GD&ĐT có ban hành Thông tư số 03/2018/TT- BGD&ĐT ngày 29/1/2018 quy định về GDHN đối với người

khuyết tật trong đó nêu ra chức danh nhiệm vụ cụ thể của đội ngũ NVHT giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.

Tuy nhiên, ngoài quy định về 6 nhiệm vụ được nêu ra trong Thông tư Liên tịch 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội Vụ thì chưa có khung chuẩn năng lực nghề nghiệp hoặc các tiêu chí cụ thể về năng lực nghề cần thiết của đội ngũ này như kinh nghiệm ở một số quốc gia. Vì vậy cần tiếp tục triển khai các nghiên cứu về vấn đề này nhằm xác định chuẩn năng lực nghề nghiệp và xây dựng khung năng lực cho đội ngũ NVHT giáo dục người khuyết tật thực hiện công việc của mình. Tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp khi đã được xây dựng và ban hành sẽ là cơ sở và căn cứ pháp lí trong việc xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp và có chất lượng cho đội ngũ nhân lực này giống như các chương trình đào tạo đã được quy định ở các quốc gia nói trên.

2.3. Đề xuất khung năng lực lí thuyết cho nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại Việt Nam

Trên cơ sở kế thừa nghiên cứu về khung năng lực trên thế giới và ở nước ta trên đây, chúng tôi cho rằng, để phát triển đội ngũ NVHT giáo dục người khuyết tật cần dựa trên các tiêu chuẩn và tiêu chí. Nghiên cứu đề xuất khung năng lực nghề nghiệp của đội ngũ NVHT giáo dục người khuyết tật gồm 4 tiêu chuẩn và 19 tiêu chí như sau:

Bảng 1. Khung năng lực dành cho nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

Stt	Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Chỉ báo
I	Tiêu chuẩn 1. Năng lực kiến thức nghề nghiệp	
1	1a. Năng lực hiểu về nhu cầu và khả năng của người khuyết tật.	Biết được đặc điểm các dạng tật.
		Biết về quy trình chẩn đoán đánh giá khuyết tật.
		Hiểu rằng mỗi cá nhân khuyết tật có những nhu cầu và khả năng riêng.
2	1b. Năng lực hiểu về nội dung chương trình giáo dục người khuyết tật.	Hiểu được nội dung chương trình can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật.
		Hiểu biết chương trình giáo dục phổ thông.
		Hiểu được các phương thức giáo dục cho người khuyết tật.
3	1c. Năng hiểu hiểu về các phương pháp giáo dục đặc thù cho người KT.	Hiểu và áp dụng phương pháp giáo dục đặc thù cho từng dạng tật.
		Phân tích xác định được môi trường giáo dục tích cực phù hợp với người khuyết tật.
4	1d. Năng lực hiểu về các nội dung hỗ trợ cho người khuyết tật.	Tổng hợp thực hiện được nội dung, chương trình, kế hoạch hỗ trợ người khuyết tật tại nhà trường
		Tổng hợp thực hiện được nội dung, chương trình, kế hoạch hỗ trợ người khuyết tật tại gia đình.
		Tổng hợp thực hiện được nội dung, chương trình, kế hoạch hỗ trợ người khuyết tật tại cộng đồng.
II	Tiêu chuẩn 2. Năng lực thực hành kĩ năng nghề nghiệp	
5	2a. Đánh giá được khả năng và nhu cầu của người khuyết tật.	Xác định được khả năng, nhu cầu của mỗi người khuyết tật cùng với nhóm chuyên gia GDĐB.
		Thực hiện sàng lọc được 1 số dạng khuyết tật bằng một số công cụ có sẵn.
6	2b. Xây dựng được kế hoạch hỗ	Lập kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cho

	trợ giáo dục cho người khuyết tật.	cả năm học, kì học. Hỗ trợ GV xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho người khuyết tật.
7	2c. Năng lực hỗ trợ dạy học cho người khuyết tật.	Thực hiện được một số kĩ thuật dạy học đặc thù cho một số các dạng tật. Hỗ trợ GV điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với người khuyết tật. Hỗ trợ giáo viên quản lí hồ sơ cho người khuyết tật. Hỗ trợ GV đánh giá sự tiến bộ của người khuyết tật.
8	2d. Năng lực hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật.	Có khả năng tăng cường sự tham gia của người học. Hỗ trợ GV tổ chức hoạt động trải nghiệm, ngoại khoá cho người khuyết tật.
9	2e. Năng lực quản lí hành vi trong lớp học.	Giải quyết các vấn đề hành vi của người khuyết tật. Xác định các hành vi không phù hợp trong lớp học.
10	2f. Năng lực hỗ trợ các hoạt động hàng ngày của người khuyết tật trong trường học.	Thực hiện xây dựng môi trường vật chất và tâm lí tích cực cho việc học tập của người khuyết tật. Thực hiện các hoạt động trợ giúp vật lí như bê vác, đi vệ sinh,... khi HS có nhu cầu. Thực hiện các nhiệm vụ hành chính như chuẩn bị cho cuộc họp phụ huynh, sổ liên lạc, đọc đề bài cho học sinh khuyết tật,... khi được GV yêu cầu.
11	2g. Năng lực quản lí và sử dụng đồ dùng thiết bị đặc thù cho người khuyết tật.	Sử dụng được một số công cụ đặc thù cho người khuyết tật như AAC, sách chữ nổi, sách ngôn ngữ kí hiệu.... Quản lí hiệu quả các đồ dùng cho người khuyết tật.
III	Tiêu chuẩn 3. Năng lực điều phối, tư vấn và phối hợp	
12	3a. Năng lực tổ chức các hoạt động phát triển chuyên môn.	Lập kế hoạch phát triển chuyên môn cho nhóm hỗ trợ. Thực hiện chuẩn bị các hoạt động tập huấn chuyên môn theo kế hoạch đã xây dựng.
13	3b. Năng lực tư vấn nhằm hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật.	Tư vấn với nhà trường phân bổ nguồn lực phù hợp cho giáo dục người khuyết tật. Tư vấn với gia đình người khuyết tật về cách hỗ trợ giáo dục tại gia đình. Huy động người khuyết tật đi học. Tư vấn hướng nghiệp cho người khuyết tật.
14	3c. Năng lực huy động cộng tham gia giáo dục người khuyết tật.	Huy động các lực lượng tham gia giáo dục, hỗ trợ người khuyết tật. Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về giáo dục người khuyết tật.
15	3d. Năng lực phối hợp trong giáo dục người khuyết tật.	Thực hiện giao tiếp hiệu quả với người khuyết tật bằng nhiều hình thức giao tiếp khác nhau: bằng lời, cử chỉ, điệu bộ, tranh ảnh, ... Phối hợp tốt với GV trong việc chăm sóc, dạy học và giáo dục cho người khuyết tật.

		Phối hợp với Gia đình các cách thức giáo dục người khuyết tật.
IV	Tiêu chuẩn 4. Phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp	
16	4a. Trách nhiệm với công việc.	Thực hiện mọi nhiệm vụ hỗ trợ có lợi nhất đối với người khuyết tật.
17	4b. Yêu thương và tôn trọng người khuyết tật.	Có tình yêu thương, kiên nhẫn, vị tha với người khuyết tật. Tin tưởng người khuyết tật có thể đóng góp cho xã hội.
18	4c. Tuân thủ những ứng xử đảm bảo lợi ích tốt nhất cho người khuyết tật.	Đảm bảo sự an toàn cho người khuyết tật. Bảo mật thông tin người khuyết tật. Thực hiện hoạt động hỗ trợ giáo dục tốt nhất cho người khuyết tật.
19	4d. Cam kết cải thiện việc thực hiện nghề nghiệp.	Có đầy đủ bằng cấp theo yêu cầu. Thực hiện tự trau dồi chuyên môn. Tự đánh giá và điều chỉnh thực hiện hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

*** Năng lực kiến thức nghề nghiệp của nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật**

- *Năng lực hiểu về nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật*, năng lực này bao gồm: Hiểu biết về dấu hiệu, đặc điểm của các dạng khuyết tật. Đây là điều kiện để xác định khuyết tật và mức độ khuyết tật; Hiểu biết về quy trình chẩn đoán đánh giá cho trẻ khuyết tật. Năng lực này giúp NVHT có thể tư vấn cho gia đình trẻ các bước thực hiện chẩn đoán đánh giá cho trẻ, hoặc có thể sử dụng một số công cụ sàng lọc để giúp tìm ra những nguy cơ của trẻ khuyết tật; Năng lực hiểu về nhu cầu và khả năng của người khuyết tật. NVHT cần phải hiểu rằng mỗi dạng khuyết tật đều có những nhu cầu riêng biệt và mỗi cá nhân khuyết tật có những khả năng khác nhau và nhu cầu khác nhau. Từ đó, NVHT có thể tìm hiểu những nhu cầu và khả năng đó để hỗ trợ người khuyết tật được tốt hơn.

- *Năng lực hiểu về nội dung, chương trình hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật*: hiểu các nội dung về can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật để đảm bảo các em được can thiệp và cung cấp các kỹ năng cần thiết cho việc đi học; nắm bắt được chương trình giáo dục chung theo cấp học mình hỗ trợ và hiểu được các phương thức giáo dục cho NKT như giáo dục chuyên biệt, bán hoà nhập và giáo dục hoà nhập cho người khuyết tật; Hiểu phương thức nào là phù hợp với người khuyết tật.

- *Năng lực hiểu phương pháp giáo dục đặc thù cho người khuyết tật*: bao gồm các năng lực nắm bắt được phương pháp giáo dục đặc thù cho từng dạng tật như khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ, tự kỷ, chậm phát triển ngôn ngữ (cả phương pháp dạy học trực tiếp và trực tuyến). Thêm vào đó, NVHT cần nhận biết được môi trường giáo dục tích cực cho người khuyết tật, từ đó biết xây dựng một môi trường giáo dục phù hợp, tạo điều kiện cho người khuyết tật phát triển tối đa khả năng của mình.

- *Năng lực hiểu về các nội dung hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật*: năng lực này bao gồm hiểu về chương trình nội dung hỗ trợ trong nhà trường như hỗ trợ dạy học cá nhân, hỗ trợ người khuyết tật tham gia các hoạt động trải nghiệm, ngoài giờ lên lớp; chương trình nội dung hỗ trợ tại gia đình như chơi với trẻ khuyết tật, dạy học tại gia đình và hướng dẫn gia đình chăm sóc trẻ khuyết tật; hỗ trợ tại cộng đồng như vai trò của việc huy động các lực lượng tham gia giáo dục người khuyết tật, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc hỗ trợ cho người khuyết tật.

*** Năng lực thực hành kỹ năng nghề nghiệp**

Năng lực đánh giá được khả năng và nhu cầu của người khuyết tật: NVHT cần phải xác định được khả năng, nhu cầu của mỗi người khuyết tật dưới sự giám sát và định hướng của nhóm chuyên gia GDĐB; thực hiện sàng lọc được một số dạng khuyết tật bằng một số công cụ có sẵn.

Xây dựng được kế hoạch hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật: lập kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cho cả năm học, kỳ học; hỗ trợ GV xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho mỗi một người khuyết tật. Kế hoạch này cần được lồng ghép và liên hệ với bối cảnh khó khăn do những ảnh hưởng bởi Covid 19 mang lại.

Năng lực hỗ trợ dạy học cho người khuyết tật: thực hiện được một số kỹ thuật dạy học đặc thù cho một số các dạng tật; hỗ trợ GV điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với người khuyết tật. Các năng lực này cần đảm bảo hỗ trợ trực tiếp và trực tuyến trước bối cảnh đặt ra của đại dịch Covid 19.

Năng lực hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật: thực hiện các hoạt động tăng cường sự tham gia của người học và hỗ trợ giáo viên trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm và hoạt động ngoại khóa cho người khuyết tật. Năng lực này cần tính đến thời gian phù hợp, hoặc thiết kế các hoạt động trực tuyến trong bối cảnh như hiện nay.

Năng lực quản lý hành vi trong lớp học: xác định các hành vi không phù hợp trong lớp học; giải quyết các vấn đề hành vi của người khuyết tật, bao gồm cả hành vi hung hãn. Đối với các lớp học trực tuyến, cần thêm những hỗ trợ của gia đình trẻ khuyết tật khi trẻ gặp các vấn đề về hành vi.

Năng lực hỗ trợ các hoạt động hàng ngày của người khuyết tật trong trường học: thực hiện xây dựng môi trường vật chất và tâm lý tích cực cho việc học tập của người khuyết tật; thực hiện các hoạt động trợ giúp vật lý như bê vác, đi vệ sinh,... khi học sinh có nhu cầu.

Năng lực quản lý và sử dụng đồ dùng thiết bị đặc thù cho người khuyết tật: sử dụng được một số công cụ đặc thù cho người khuyết tật như AAC, sách chữ nổi, sách ngôn ngữ kí hiệu; quản lý hiệu quả các đồ dùng cho người khuyết tật. Cần tìm hiểu và có năng lực xác định xem những đồ dùng đặc thù cho người khuyết tật có được tích hợp với việc thực hiện giảng dạy trực tuyến hoặc các hình thức nào khác trong bối cảnh dạy học thời Covid 19.

*** Năng lực điều phối, tư vấn và phối hợp**

Năng lực tổ chức các hoạt động phát triển chuyên môn về giáo dục người khuyết tật: thực hiện chuẩn bị cho các hoạt động sinh hoạt chuyên đề; thực hiện chuẩn bị các hoạt động tập huấn chuyên môn theo kế hoạch đã xây dựng, các hoạt động này có thể diễn ra trực tuyến.

Năng lực tư vấn nhằm hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật: tư vấn với nhà trường phân bổ nguồn lực phù hợp cho giáo dục người khuyết tật; tư vấn với gia đình người khuyết tật về cách hỗ trợ giáo dục tại gia đình; huy động người khuyết tật đi học; tư vấn hướng nghiệp cho người khuyết tật.

Năng lực huy động cộng đồng tham gia giáo dục người khuyết tật: huy động các lực lượng tham gia giáo dục người khuyết tật, tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức của cộng đồng về hỗ trợ, giáo dục người khuyết tật. Trong bối cảnh hiện nay, Học sinh khuyết tật gặp rất nhiều vấn đề với việc học tập do thiếu thốn các trang thiết bị, hệ thống phương tiện đảm bảo dạy học trực tuyến, do vậy cần phải huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc đảm bảo cơ sở hạ tầng học tập cho mọi HS.

Năng lực phối hợp trong giáo dục người khuyết tật: thực hiện giao tiếp hiệu quả với người khuyết tật bằng nhiều hình thức giao tiếp khác nhau: bằng lời, cử chỉ, điệu bộ, tranh ảnh; phối hợp tốt với GV trong việc chăm sóc, dạy học và giáo dục cho người khuyết tật; phối hợp với gia đình các cách thức giáo dục người khuyết tật; thực hiện hoạt động hỗ trợ giáo dục tốt nhất cho người khuyết tật.

*** Phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp**

Trách nhiệm với công việc: hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao và cố gắng khắc phục và vượt qua trở ngại để hoàn thành công việc.

Yêu thương và tôn trọng người khuyết tật: có tình yêu thương, nhân nại, vị tha với người khuyết tật; tin tưởng người khuyết tật có thể đóng góp cho xã hội.

Tuân thủ những ứng xử đảm bảo lợi ích tốt nhất cho người khuyết tật: đảm bảo sự an toàn cho người khuyết tật; bảo mật thông tin người khuyết tật.

Cam kết cải thiện việc thực hiện nghề nghiệp: có đầy đủ bằng cấp theo yêu cầu; thực hiện tự trau dồi chuyên môn; tự đánh giá và điều chỉnh thực hiện hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

3. Kết luận

Khung năng lực của nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được đề xuất gồm 4 tiêu chuẩn và 19 tiêu chí dựa trên việc nghiên cứu các lí thuyết tiếp cận quản lí nguồn nhân lực và tiếp cận năng lực nghề nghiệp đồng thời kế thừa và phát huy các khung năng lực nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật và đội ngũ nhân sự làm việc với học sinh khuyết tật tại số quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam. Cả bốn tiêu chuẩn của khung năng lực bao gồm năng lực kiến thức nghề nghiệp, kĩ năng nghề nghiệp, tư vấn điều phối, phối hợp và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp này đều có vai trò quan trọng như nhau trong việc đảm bảo chất lượng hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật tại Việt Nam trong bối cảnh đổi mới giáo dục như hiện nay và đặc biệt là trong bối cảnh đa phần người khuyết tật đang chịu nhiều hậu quả không được đảm bảo về giáo dục trong đại dịch Covid 19 đang ngày càng trở nên mất kiểm soát.

Việc xây dựng khung năng lực NVHT có ý nghĩa cho sự phát triển đội ngũ nguồn nhân lực hỗ trợ giúp cho người khuyết tật học tập và hoà nhập trong cuộc sống. Trong bối cảnh Covid 19 đang có ảnh hưởng lớn đến việc học tập của học sinh khuyết tật, vai trò và năng lực của NVHT càng cần được thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa để giúp đảm bảo sự tiếp cận công bằng trong giáo dục cho tất cả mọi người. Khung năng lực đề xuất được dựa trên lí thuyết tiếp cận quản lí nguồn nhân lực và tiếp cận năng lực nghề nghiệp được nghiên cứu thực hiện tại một số quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam. Khung năng lực đề xuất này nhằm giúp cho nhà quản lí giáo dục các cấp có các giải pháp phát triển đội ngũ theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất như hiện nay, đồng thời giúp các CBQL cấp trường có một bức tranh toàn diện về các yêu cầu của công việc đối với NVHT, từ đó có những xếp sắp, đánh giá đội ngũ một cách phù hợp hơn. Thêm vào đó, Khung năng lực nghề nghiệp là căn cứ nhằm giúp các cơ sở đào tạo xây dựng được Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu về năng lực thực hiện nghề nghiệp của đội ngũ NVHT giáo dục người khuyết tật. Tuy nhiên, khung năng lực này muốn được đưa vào sử dụng cần thực hiện các bước tiếp theo đó là: tiếp tục rà soát các hoạt động của NVHT để điều chỉnh các tiêu chuẩn, tiêu chí cho phù hợp với hoạt động của NVHT tại các cấp khác nhau và đáp ứng những tiêu chuẩn, nhiệm vụ cụ thể của NVHT đã được quy định trong Luật Người khuyết tật 2010, Thông tư Liên tịch 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập; điều tra khảo sát thực trạng về năng lực hiện có của NVHT, sử dụng khung năng lực đã đề xuất xem có phù hợp với mức độ năng lực hiện tại của NVHT; tổ chức các hội thảo xin ý kiến của chuyên gia, các nhà quản lí các cấp, lãnh đạo của các bộ ngành liên quan, CBQL các trường học và trung tâm giáo dục người khuyết tật, các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt và giáo dục hoà nhập, các giáo viên dạy người khuyết tật, cha mẹ học sinh khuyết tật, đại diện các tổ chức xã hội, hiệp hội, các tổ chức doanh nghiệp,...; chỉnh sửa khung năng lực trên cơ sở ý kiến đóng góp của các thành viên qua các lần tổ chức hội thảo; xin ý kiến rộng rãi của toàn xã hội thông qua đưa lên các trang mạng đối với khung năng lực sau khi đã

được chỉnh sửa qua ý kiến của các bên liên quan sau các hội thảo; thí điểm trong thực tiễn trước khi ban hành chính thức; chỉnh sửa và trình lãnh đạo, cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UNICEF& Tổng cục thống kê Việt Nam, 2018. *Trẻ em khuyết tật ở Việt nam - Kết quả điều tra quốc gia về Người khuyết tật Việt Nam 2016-2017*, Hà Nội, (49).
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016. *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Giáo dục hòa nhập ở Việt Nam*, Hà Nội, (1).
- [3] Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ, 2016. *Thông tư số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập*. Hà Nội.
- [4] <https://bangkok.unesco.org/content/empowering-students-disabilities-during-covid-19-crisis>.
- [5] Employment and Training Administration - ETA, 2018. *Aerospace Industry Competency Model*. United States Department of Labor.
- [6] Department of Education and Training, 2008. *Competency Framework for Education Assistants (Special needs): Practice and Professional Learning*. Western Australia (29).
- [7] Department of Education USA, 2004. *Title I Paraprofessionals Non-Regulatory Guidance*. Retrieved from (28). <http://www2.ed.gov/admins/tchrqual/qual/paraprofessional.html>.
- [8] Lê Văn Tạc, Sijett Begmarr, 2006. *Nghiên cứu chuẩn năng lực giáo dục trẻ khuyết tật của giáo viên*. Báo cáo nghiên cứu, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Xuân Hải, 2018. Năng lực và đánh giá năng lực nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật. *Tạp chí Giáo dục số Đặc biệt*, tr. 133-136.

ABSTRACT

Review and built up a professional competency framework for educational support workers in Vietnam

Tran Thi Bich Ngoc

Faculty of Special Education, Hanoi National University of Education

Educational support workers for people with disabilities is a job title regulated in a school to support teachers and parents to taking care and educating people with disabilities. This paper reviewe d some researchs and the fact of competency framework utilization in some countries and Vietnam. Thus, a competency framework was proposed to build up in Vietnam to help educational managers at all levels in using this framework to deliver some strategies including planning, recruiting and using, training and assessing appropriately.

Keywords: educational support worker, educational support, competency framework, professional competency.